

Bản án số: 179A/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2023

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Thành;
2. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh.

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương, Kiểm sát viên.

Đã tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc: “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 96/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 1965. Có mặt.
 - Bị đơn: anh Nguyễn Mậu T, sinh năm 1967. Vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: thôn C S, xã Q A, huyện Q S, tỉnh Q N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Chị và anh Nguyễn Mậu T kết hôn vào ngày 07/6/1985 tại UBND xã Q A, huyện Q S, tỉnh Q N, hôn nhân giữa anh chị hoàn toàn tự nguyện. Năm 2021 chị đã làm đơn ly hôn, nhưng vì thương các con nên sau khi Tòa án hoà giải, chị đã rút lại đơn kiện, mong anh T thay đổi. Nhưng đến nay, tính tình của anh T vẫn không thay đổi, anh T không còn quan tâm gì đến gia đình, thường xuyên

chửi mắng đánh đập vợ. Thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã chấm dứt, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết để chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Mậu Quang Nh, sinh năm 1985; Nguyễn Mậu H1, sinh năm 1991, Nguyễn Mậu Ch, sinh năm 1996; Nguyễn Mậu Đ, sinh ngày 18/9/2005 đều đã đến tuổi thành niên, tự lo cho được bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: tự giải quyết. Nợ chung: không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Mậu T vắng mặt tại phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa, dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại biên bản ghi lời khai anh T thống nhất ly hôn với chị H, các con chung của anh T và chị H đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 266, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị H khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Mậu T cư trú tại xã Q A, huyện Q S, tỉnh Q N, nên quan hệ pháp luật được xác định là “*ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Mậu T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/1985 được UBND xã Q A, huyện Q S, tỉnh Q N cấp giấy chứng nhận kết hôn, vì vậy hôn nhân của anh chị hợp pháp. Năm

2021 chị đã làm đơn ly hôn, sau khi Tòa án hoà giải, chị đã rút lại đơn kiện, mong anh T thay đổi. Nay, chị H lại làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết để chị và anh T được ly hôn vì anh T không còn quan tâm gì đến gia đình, thường xuyên chửi mắng đánh đập vợ. Bị đơn anh Nguyễn Mậu T vắng mặt tại phiên toà, nhưng nội dung biên bản ghi lời khai ngày 08 tháng 9 năm 2023 anh T thống nhất ly hôn với chị H. Tại phiên tòa chị H vẫn kiên quyết ly hôn điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã chấm dứt, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: các con của chị H, anh T đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Trần Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Mậu T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Trần Thị H phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012302 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tuyên án 14/9/2023, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế An, huyện Quế Sơn;
- (CNĐKKH số 07 ngày 07/6/1985)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ